|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÔNG TY CỔ PHẦNĐÂU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍ |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  | *Hà Nội, ngày tháng 06* *năm 2020* |

## TỜ TRÌNH

**Về các vấn đề chung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư (PVIF);

- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty,

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

1. **Thông qua các Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty:**

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC) và được công bố thông tin theo quy định.

1. **Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019:**
	1. **Kết quả kinh doanh năm 2019:**

Theo Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán, Công ty đã đạt được một số kết quả kinh doanh như sau:

* ***Kết quả kinh doanh Công ty Mẹ (PVIF):***

*ĐVT: đồng*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2019** |
| **Kế hoạch** | **Thực hiện** | **% TH/KH** |
| 1. Tổng doanh thu | 41.997.341.590 |  27.141.146.078  | 64,6% |
| 2. Tổng chi phí |  37.251.062.190  |  22.543.233.134  | 60,5% |
| 3. Lợi nhuận trước thuế |  4.746.279.400  | 4.597.912.944  | 96,9% |
| 4. Lợi nhuận sau thuế | 3.797.023.520 | 2.448.691.146 | 64,5% |

* ***Kết quả kinh doanh chung (Báo cáo tài chính hợp nhất):***

*ĐVT: đồng*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2019** |
| **Kế hoạch** | **Thực hiện** | **% TH/KH** |
| 1. Tổng doanh thu | 51.244.043.516 | 35.209.982.956 | 68,7% |
| 2. Tổng chi phí | 47.268.208.349 | 32.794.302.622 | 69,4% |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | 3.975.835.167 | 2.415.680.334 | 60,8% |
| 4. Lợi nhuận sau thuế | 2.584.903.222 | 741.765.104 | 28,7% |

Trong đó:

* Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ là: 1.058.912.394 đồng.
* Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát là: (317.147.290) đồng.
	1. **Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019:**

Căn cứ vào hoạt động kinh doanh năm 2019 Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đông cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 của PVIF như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Tỷ lệ (%)** | **Giá trị (VND)** |
| Lợi nhuận sau thuế (LNST) của Công ty mẹ | - | 2.448.691.146 |
| LNST của cổ đông công ty mẹ trên báo cáo hợp nhất | - | 1.058.912.394 |
| LNST được sử dụng để phân phối | - | 1.058.912.394 |
| 1. *Trích lập quỹ Khen thưởng – Phúc lợi*
 | 5% |  *52.945.620*  |
| 1. *Trích lập quỹ Đầu tư phát triển*
 | *10%* |  *105.891.239*  |
| 1. *Chia cổ tức*
 | *0%* | *0* |
| Lợi nhuận để lại sau khi chia cổ tức và trích lập các quỹ  | 900.075.535 |

1. **Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020:**
	1. **Kế hoạch kinh doanh năm 2020:**

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh cụ thể cho năm 2020 như sau:

*ĐVT: đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Công ty mẹ PVIF** | **Hợp nhất** |
| 1. | Tổng doanh thu |  27.179.827.345  | 39.842.382.601 |
| 2. | Tổng chi phí |  26.893.492.408  | 39.961.034.609 |
| 3. | Lợi nhuận trước thuế |  286.334.937  | (118.652.007) |
| 4. | Lợi nhuận sau thuế |  229.067.949  | (789.262.743) |

Trong đó: Kế hoạch Quỹ lương năm 2020 của PVIF là 4 tỷ đồng.

* 1. **Kế hoạch phân phối nhuận sau thuế năm 2020:**

Trước diễn biến của dịch Covid-19, du lịch nghỉ dưỡng, đầu tư tài chính, bất động sản là những ngành bị ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề nhất. Đây đều là những lĩnh vực kinh doanh chính của PVIF nên hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2020 bị ảnh hưởng lớn. Vì vậy, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc không thực hiện chia cổ tức trong năm 2020 để tiếp tục đầu tư nhằm phục hồi hoạt động của Công ty.

1. **Lựa chọn đơn vị kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty năm 2020:**

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép kiểm toán các công ty niêm yết kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

1. **Thù lao, chi phí hoạt động của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2019 và kế hoạch thù lao, chi phí năm 2020:**

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc quyết toán thù lao, chi phí cho HĐQT và BKS năm 2019 và kế hoạch thù lao, chi phí năm 2020 như sau:

* 1. **Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2019:**

*ĐVT: đồng*

|  |  |
| --- | --- |
| **Khoản mục** | **Thù lao và chi phí** |
| **Kế hoạch** | **Thực chi** | **Tỷ lê** |
| Hội đồng quản trị | 510.000.000 | 386.463.606 | 76% |
| Ban Kiểm soát | 355.000.000 | 269.008.984 | 76% |

* 1. **Kế hoạch thù lao và chi phí hoạt động của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2020:**
* Dự kiến thù lao cố định của HĐQT: 108.000.000 đồng/ năm, trong đó:
	+ Chủ tịch HĐQT: 6.000.000 đồng/tháng.
	+ Ủy viên HĐQT không kiêm nhiệm: 3.000.000 đồng/người/tháng.
* Dự kiến chi phí đi lại, lưu trú, giao dịch của HĐQT: 280.000.000 đồng/ năm.

Tổng cộng: 388.000.000 đồng

* Thù lao BKS chuyên trách: 205.000.000 đồng.
* Chi phí lưu trú, đi lại, giao dịch của BKS: 100.000.000 đồng.

Tổng cộng: 305.000.000 đồng/năm.

1. **Phê duyệt các giao dịch giữa công ty với các bên liên quan của công ty**

Nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Công ty và các công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan khác để mang lại lợi ích kinh tế tối đa cho Công ty và các cổ đông của Công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan của Công ty phát sinh trong năm 2020, cụ thể như sau:

* 1. Phê duyệt các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan của Công ty theo quy định của pháp luật (Các Giao Dịch Liên Quan), bao gồm nhưng không giới hạn ở các giao dịch được liệt kê dưới đây giữa Công ty với công ty con/công ty liên kết của Công ty và các bên liên quan khác của Công ty:
1. Các giao dịch mua bán hàng hoá;
2. Các giao dịch chia sẻ chi phí; theo đó các chi phí được chia sẻ bao gồm nhưng không giới hạn chi phí dịch vụ công nghệ thông tin, chi phí quản lý, chi phí các dịch vụ khác, và chi phí vận hành phát sinh thực tế, phù hợp với giá thị trường và được phân bổ trên cơ sở thỏa thuận giữa các công ty nêu trên theo nguyên tắc minh bạch, bình đẳng, hợp lý, phù hợp với thông lệ thị trường và các quy định của pháp luật;
3. Các giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố và thế chấp tài sản trên cơ sở tối ưu hóa dòng tiền và các hoạt động tài chính của các bên;
4. Các giao dịch khác theo quyết định của HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty tùy từng thời điểm.
	1. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc của Công Ty và/hoặc người được Tổng Giám đốc Công ty ủy quyền lại:
5. Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của Các Giao Dịch Liên Quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Liên Quan, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Liên Quan (nếu có);
6. Ký kết và thực hiện Các Giao Dịch Liên Quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Liên Quan, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Liên Quan (nếu có).

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua các vấn đề trên.

Trân trọng./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****UỶ VIÊN HĐQT/TỔNG GIÁM ĐỐC** |
|  | **Lê Tiến Hùng** |